

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 982.171.996.684 | 1.035.437.560.726 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 98.421.377.014 | 349.902.332.846 |
| 1. Tiền | 111 | | 48.421.377.014 | 28.902.332.846 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 50.000.000.000 | 321.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 150.000.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 150.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 114.782.373.532 | 116.293.525.685 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 110.199.927.092 | 114.601.389.672 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 2.323.435.742 | 881.015.250 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 2.259.010.698 | 811.120.763 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 594.693.501.569 | 541.756.313.649 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 595.924.885.604 | 542.987.697.684 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.6 | (1.231.384.035) | (1.231.384.035) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.274.744.569 | 27.485.388.546 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 7a | 2.766.029.335 | 1.486.777.344 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 21.486.052.432 | 25.722.396.150 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 22.662.802 | 276.215.052 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 144.535.775.371 | 158.445.081.120 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 129.628.096.425 | 138.018.427.809 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 119.366.111.625 | 127.756.443.009 |
| - Nguyên giá | 222 | | 497.432.630.119 | 497.093.593.119 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (378.066.518.494) | (369.337.150.110) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 10.261.984.800 | 10.261.984.800 |
| - Nguyên giá | 228 | | 14.191.924.331 | 14.191.924.331 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (3.929.939.531) | (3.929.939.531) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.284.169.022 | 1.952.447.591 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 2.284.169.022 | 1.952.447.591 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 12.623.509.924 | 18.474.205.720 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 8.555.452.700 | 8.945.168.260 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.11 | 4.068.057.224 | 9.529.037.460 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.126.707.772.055 | 1.193.882.641.846 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 608.539.409.971 | 707.487.802.152 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 608.539.409.971 | 707.487.802.152 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 157.319.968.546 | 236.646.310.032 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 8.418.547.343 | 14.816.097.737 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 5.620.541.025 | 16.289.384.495 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 20.908.818.610 | 38.382.164.498 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 63.346.602.832 | 33.277.358.436 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 1.972.241.708 | 1.776.818.250 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | 336.612.887.616 | 350.523.774.208 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.18 | 11.172.155.017 | 12.180.897.222 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 3.167.647.274 | 3.594.997.274 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 518.168.362.084 | 486.394.839.694 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 518.168.362.084 | 486.394.839.694 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 189.802.000.000 | 189.802.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 189.802.000.000 | 189.802.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20 | 127.497.146.427 | 127.497.146.427 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | V.20 | 18.980.200.000 | 18.980.200.000 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 181.889.015.657 | 150.115.493.267 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 150.115.493.267 | 83.166.564.416 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 31.773.522.390 | 66.948.928.851 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.126.707.772.055 | 1.193.882.641.846 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2017



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng




Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 31.3.2017

Mẫu số B02a-DN
Ban hành theo
TT 200/2014/TT-BTC**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 1 năm 2017

Đơn vị: Đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|
| | | | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1a | 996.993.140.532 | 978.892.197.563 | 996.993.140.532 | 978.892.197.563 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 22.047.805.324 | 668.739.373 | 22.047.805.324 | 668.739.373 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1b | 974.945.335.208 | 978.223.458.190 | 974.945.335.208 | 978.223.458.190 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 864.441.719.909 | 880.271.816.265 | 864.441.719.909 | 880.271.816.265 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 110.503.615.299 | 97.951.641.925 | 110.503.615.299 | 97.951.641.925 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 4.306.289.198 | 1.023.619.090 | 4.306.289.198 | 1.023.619.090 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 3.538.011.273 | 3.511.830.816 | 3.538.011.273 | 3.511.830.816 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 3.537.124.048 | 3.392.096.555 | 3.537.124.048 | 3.392.096.555 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 61.920.988.926 | 58.331.430.015 | 61.920.988.926 | 58.331.430.015 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 10.260.194.022 | 11.646.489.909 | 10.260.194.022 | 11.646.489.909 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 39.090.710.276 | 25.485.510.275 | 39.090.710.276 | 25.485.510.275 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 645.823.335 | 431.018.224 | 645.823.335 | 431.018.224 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 645.823.335 | 431.018.224 | 645.823.335 | 431.018.224 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 39.736.533.611 | 25.916.528.499 | 39.736.533.611 | 25.916.528.499 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 2.502.030.985 | 5.183.305.699 | 2.502.030.985 | 5.183.305.699 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 5.460.980.236 | - | 5.460.980.236 | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>31.773.522.390</u> | <u>20.733.222.800</u> | <u>31.773.522.390</u> | <u>20.733.222.800</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 1.674 | 1.038 | 1.674 | 1.038 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 1.674 | 1.038 | 1.674 | 1.038 |

TP. HCM, ngày 04 tháng 4 năm 2017

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểuVũ Đức Thịnh
Kế toán trưởngHà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Mẫu số B03a-DN

Ban hành theo

TT 200/2014/TT-BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|---|-----------|-------------|-------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 39.736.533.611 | 25.916.528.499 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | V.8,9 | 8.729.368.384 | 8.701.194.649 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | (12.564.283.711) |
| - Lãi, lỗ CLTG hồi đoái do đánh giá lại các KMTT có gốc NT | 04 | V1.4 | (1.752.492) | 1.160.475 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (4.130.501.979) | (859.361.110) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | V1.5 | 3.537.124.048 | 3.392.096.555 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | | |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 47.870.771.572 | 24.587.335.357 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 5.810.853.871 | 19.234.158.622 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (52.937.187.920) | 133.115.638.364 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (75.599.754.653) | (64.043.820.560) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (889.536.431) | 412.514.134 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | | |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (3.543.149.000) | (3.585.114.009) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (11.491.503.104) | (4.513.154.326) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | (427.350.000) | (811.155.116) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (91.206.855.665) | 104.396.402.466 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (558.343.046) | (3.425.522.036) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2 | (150.000.000.000) | (131.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 102.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 4.193.376.979 | 3.356.930.555 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (146.364.966.067) | (29.068.591.481) |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | | |
| 2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17 | 447.687.193.304 | 571.123.159.041 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (461.598.079.896) | (599.242.500.935) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.20 | - | (2.292.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (13.910.886.592) | (28.121.633.894) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (251.482.708.324) | 47.206.177.091 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 349.902.332.846 | 63.853.705.232 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | VI.4 | 1.752.492 | (1.160.475) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 98.421.377.014 | 111.058.721.848 |

TP-HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2017



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh | 135 Nguyễn Việt Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |
| Chi nhánh miền Bắc tại Hưng Yên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An | Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |
| Văn phòng đại diện tại TP. Hà Nội | Tầng 10 Toà nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội |
| Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh | Lầu 10, Tòa nhà Empress Tower, số 138-142 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Việc lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (20 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 20 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2 – 7 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm; trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 344.889.937 | 410.032.641 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 48.076.487.077 | 28.492.300.205 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 50.000.000.000 | 321.000.000.000 |
| Cộng | <u>98.421.377.014</u> | <u>349.902.332.846</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Trong kỳ Công ty đã mua 150.000 trái phiếu không chuyển đổi không có tài sản đảm bảo của Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt kỳ hạn 12 tháng với tổng mệnh giá 150.000.000.000 đồng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 33.146.212.859 | 5.544.795.740 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido | 29.928.394.859 | 4.611.314.840 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido | 3.217.818.000 | 933.480.900 |
| Phải thu các khách hàng khác | 77.053.714.233 | 109.056.593.932 |
| Công ty TNHH Dịch vụ EB | 6.629.449.359 | 9.230.331.691 |
| Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam | 16.043.945.940 | 16.764.033.000 |
| Công ty Cổ phần Uniben | - | 13.064.537.300 |
| Liên hiệp HTX Thương mại TP.Hồ Chí Minh | 974.171.898 | 3.693.227.920 |
| Các khách hàng khác | 53.406.147.036 | 66.304.464.021 |
| Cộng | <u>110.199.927.092</u> | <u>114.601.389.672</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido | 1.674.414.000 | - |
| Công ty TNHH Chung Phát - Hưng Yên | 436.248.000 | 436.248.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí Huỳnh Bằng | - | 222.455.250 |
| Trả trước cho người bán khác | 212.773.742 | 222.312.000 |
| Cộng | <u>2.323.435.742</u> | <u>881.015.250</u> |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 450.750.000 | - | 513.625.000 | - |
| Lãi trái phiếu dự thu | 411.111.111 | - | - | - |
| Phải thu các khoản BH bắt buộc | 1.032.396.050 | - | - | - |
| Tạm ứng | 76.262.319 | - | 3.000.000 | - |
| Phải thu khác | 288.491.218 | - | 294.495.763 | - |
| Cộng | <u>2.259.010.698</u> | <u>-</u> | <u>811.120.763</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 4.364.002.416 | - | 5.667.859.791 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 424.150.062.880 | - | 361.159.099.949 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 643.363.260 | - | 675.430.775 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 54.909.702.772 | - | 49.445.059.020 | - |
| Thành phẩm | 110.262.364.979 | (1.231.384.035) | 124.077.325.310 | (1.231.384.035) |
| Hàng hóa | 1.595.389.297 | - | 1.962.922.839 | - |
| Cộng | 595.924.885.604 | (1.231.384.035) | 542.987.697.684 | (1.231.384.035) |

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 996.694.197 | 1.145.172.785 |
| Tiền thuê đất | 7.558.758.503 | 7.799.995.475 |
| Cộng | 8.555.452.700 | 8.945.168.260 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 177.590.146.112 | 306.995.674.345 | 9.895.632.136 | 2.612.140.526 | 497.093.593.119 |
| Tăng do mua sắm mới | | 36.000.000 | | | 36.000.000 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | | 303.037.000 | | | 303.037.000 |
| Số cuối kỳ | 177.590.146.112 | 307.334.711.345 | 9.895.632.136 | 2.612.140.526 | 497.432.630.119 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 20.757.404.041 | 74.298.043.457 | 3.542.777.907 | 1.925.490.161 | 100.523.715.566 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 112.831.058.278 | 247.329.004.723 | 7.027.992.584 | 2.149.094.525 | 369.337.150.110 |
| Khấu hao trong kỳ | 3.577.384.296 | 4.850.050.432 | 252.074.691 | 49.858.965 | 8.729.368.384 |
| Số cuối kỳ | 116.408.442.574 | 252.179.055.155 | 7.280.067.275 | 2.198.953.490 | 378.066.518.494 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 64.759.087.834 | 59.666.669.622 | 2.867.639.552 | 463.046.001 | 127.756.443.009 |
| Số cuối kỳ | 61.181.703.538 | 55.155.656.190 | 2.615.564.861 | 413.187.036 | 119.366.111.625 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đang thế chấp dây chuyền thiết bị chiết dầu chai 1L; 0,4L; 0,25L và 5L, dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 600 tấn/ngày, dây chuyền phân đoạn 400T/ngày và hệ thống đường dẫn dầu dây chuyền tinh luyện 150 tấn/ngày cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

9. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 13.671.924.331 | 520.000.000 | 14.191.924.331 |
| Số cuối kỳ | 13.671.924.331 | 520.000.000 | 14.191.924.331 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.409.939.531 | 520.000.000 | 3.929.939.531 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 3.409.939.531 | 520.000.000 | 3.929.939.531 |
| Số cuối kỳ | 3.409.939.531 | 520.000.000 | 3.929.939.531 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 10.261.984.800 | - | 10.261.984.800 |
| Số cuối kỳ | 10.261.984.800 | - | 10.261.984.800 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| QSDĐ không tính khấu hao | 10.261.984.800 | - | 10.261.984.800 |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ</u> | <u>Kết chuyển khác</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------|----------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------|
| Dây chuyền magnesol | 1.605.734.755 | 13.261.409 | | | 1.618.996.164 |
| Hệ thống PCCC (Vinh) | 327.923.636 | | | | 327.923.636 |
| Các công trình khác | 18.789.200 | 621.497.022 | (303.037.000) | | 337.249.222 |
| Cộng | 1.952.447.591 | 634.758.431 | (303.037.000) | - | 2.284.169.022 |

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | <u>Năm nay</u> |
|--|----------------------|
| Số đầu năm | 9.529.037.460 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ | - |
| Hoàn nhập trong kỳ | (5.460.980.236) |
| Số cuối kỳ | 4.068.057.224 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Phải trả bên liên quan | 95.031.554.220 | 176.115.513.888 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP | 95.031.554.220 | 176.115.513.888 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>62.288.414.326</i> | <i>60.530.796.144</i> |
| Cộng | 157.319.968.546 | 236.646.310.032 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|-----------------------|
| Khách hàng trả trước về tiền mua sản phẩm | 8.418.547.343 | 14.816.097.737 |
| Cộng | 8.418.547.343 | 14.816.097.737 |

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|--|-----------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | 2.552.128.709 | (5.000.000) | 2.547.128.709 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 17.001.163.388 | (17.001.163.388) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 3.053.745.559 | (3.053.745.559) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.475.798.605 | - | 2.502.030.985 | (11.491.503.104) | 2.486.326.486 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên | - | 253.552.250 | 3.446.540.816 | (2.740.938.000) | 452.050.566 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên | 15.738.100 | - | 34.560.785 | (40.054.970) | 10.243.915 | - |
| Thuế tài nguyên | 56.000 | - | 168.000 | (168.000) | 56.000 | - |
| Thuế nhà đất | - | - | 7.910.004 | (7.910.004) | - | - |
| Tiền thuê đất | 4.797.791.790 | - | - | (4.673.056.441) | 124.735.349 | - |
| Các loại thuế khác | - | 22.662.802 | 7.000.000 | (7.000.000) | - | 22.662.802 |
| Cộng | 16.289.384.495 | 276.215.052 | 28.605.248.246 | (39.020.539.466) | 5.620.541.025 | 22.662.802 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông áp dụng cho năm tài chính 2017 là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 39.736.533.611 | 25.916.528.499 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (27.304.901.180) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 12.431.632.431 | 25.916.528.499 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 12.431.632.431 | 25.916.528.499 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông | 2.486.326.486 | 5.183.305.699 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung 2016 | 15.704.499 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 2.502.030.985 | 5.183.305.699 |

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 243.251.820 | 249.276.772 |
| Chi phí tiếp thị quảng cáo | 2.018.247.086 | - |
| Hoa hồng, khuyến mại, thưởng | 49.983.583.282 | 32.630.521.145 |
| Vận chuyển hàng bán | 8.389.111.295 | - |
| Chi phí khác phải trả | 2.712.409.349 | 397.560.519 |
| Cộng | 63.346.602.832 | 33.277.358.436 |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 1.827.462.686 | 1.657.119.350 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 69.053.000 | 69.053.000 |
| Thuế thu nhập cá nhân tạm thu | 25.726.022 | 645.900 |
| Cộng | 1.972.241.708 | 1.776.818.250 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i) | 212.612.887.616 | 212.612.887.616 | 261.291.808.429 | (321.202.695.021) | 272.523.774.208 | 272.523.774.208 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii) | 124.000.000.000 | 124.000.000.000 | 186.395.384.875 | (140.395.384.875) | 78.000.000.000 | 78.000.000.000 |
| Cộng | 336.612.887.616 | 336.612.887.616 | 447.687.193.304 | (461.598.079.896) | 350.523.774.208 | 350.523.774.208 |

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 262/KH/115NH ngày 01 tháng 12 năm 2015 và bản sửa đổi số 01/CV-0262/KH/15NH ngày 01 tháng 12 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VND.
- Thời gian vay : tối đa 06 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

⁽ⁱⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15.2120042/HĐHMTD ngày 17 tháng 9 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND.
- Thời gian vay : tối đa 04 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|-------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 12.180.897.222 |
| Tăng do trích lập | |
| Hoàn nhập | (1.008.742.205) |
| Số cuối kỳ | 11.172.155.017 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong | Số cuối kỳ |
|-----------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 971.480.383 | - | (371.600.000) | 599.880.383 |
| Quỹ phúc lợi | 2.623.516.891 | - | (55.750.000) | 2.567.766.891 |
| Cộng | 3.594.997.274 | - | (427.350.000) | 3.167.647.274 |

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido | 123.371.300.000 | 123.371.300.000 |
| Vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP | 51.246.520.000 | 51.246.520.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 15.184.180.000 | 15.184.180.000 |
| Cộng | 189.802.000.000 | 189.802.000.000 |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn điều lệ đã góp (VND) |
|---|---|---------------|--------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido | 123.371.300.000 | 65,00 | 123.371.300.000 |
| Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP | 51.246.520.000 | 27,00 | 51.246.520.000 |
| Các cổ đông khác | 15.184.180.000 | 8,00 | 15.184.180.000 |
| Cộng | 189.802.000.000 | 100,00 | 189.802.000.000 |

20c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 18.980.200 | 18.980.200 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 18.980.200 | 18.980.200 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 18.980.200 | 18.980.200 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 18.980.200 | 18.980.200 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 18.980.200 | 18.980.200 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 3.106.616.328 | 5.076.089.522 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 993.886.524.204 | 973.816.108.041 |
| Cộng | <u>996.993.140.532</u> | <u>978.892.197.563</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido | 23.015.527.290 | - |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido | 6.734.468.000 | 3.695.182.500 |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Chiết khấu thương mại | (19.825.491.673) | (315.561.635) |
| Hàng bán bị trả lại | (2.222.313.651) | (353.177.738) |
| Cộng | <u>(22.047.805.324)</u> | <u>(668.739.373)</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 2.804.919.561 | 5.076.089.522 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 861.636.800.348 | 875.195.726.743 |
| Cộng | <u>864.441.719.909</u> | <u>880.271.816.265</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi | 3.719.390.868 | 908.279.861 |
| Lãi trái phiếu | 411.111.111 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 174.034.727 | 115.339.229 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại | 1.752.492 | - |
| Cộng | <u>4.306.289.198</u> | <u>1.023.619.090</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 3.537.124.048 | 3.392.096.555 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 887.225 | 118.573.786 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại | - | 1.160.475,00 |
| Cộng | <u>3.538.011.273</u> | <u>3.511.830.816</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|----------------|------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 25.503.656.706 | 8.861.451.595 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí vật liệu, bao bì | 1.091.126.469 | 319.555.109 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 148.178.640 | 144.953.640 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 23.428.975.333 | 12.641.333.095 |
| Các chi phí khác | 11.749.051.778 | 36.364.136.576 |
| Cộng | <u>61.920.988.926</u> | <u>58.331.430.015</u> |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí cho nhân viên | 6.478.904.817 | 7.538.840.311 |
| Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng | 240.006.537 | 338.027.550 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 237.297.924 | 252.752.449 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.932.545.947 | 1.723.162.872 |
| Các chi phí khác | 1.371.438.797 | 1.793.706.727 |
| Cộng | <u>10.260.194.022</u> | <u>11.646.489.909</u> |
| 8. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Nhập xử lý nguyên liệu, hàng hoá thừa | 559.887.141 | - |
| Thu nhập khác | 85.936.194 | 431.018.224 |
| Cộng | <u>645.823.335</u> | <u>431.018.224</u> |
| 9. Lãi trên cổ phiếu | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 31.773.522.390 | 20.733.222.800 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (1.036.661.140) |
| - Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 31.773.522.390 | 19.696.561.660 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 18.980.200 | 18.980.200 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.674</u> | <u>1.038</u> |
| 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 840.704.626.970 | 839.381.105.125 |
| Chi phí nhân công | 49.387.510.602 | 34.762.404.304 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.729.368.384 | 8.701.194.649 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 27.139.946.473 | 15.870.066.431 |
| Chi phí khác | 16.489.894.594 | 38.157.843.303 |
| Cộng | <u>942.451.347.023</u> | <u>936.872.613.812</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido | Công ty mẹ |
| Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP | Công ty thuộc Tập đoàn Kido |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido | Công ty thuộc Tập đoàn Kido |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|-----------------|------------------|
| Mua nguyên liệu | 592.620.161.765 | 533.992.206.160 |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất dầu thực vật các loại và phần lớn hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2017

na hae

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Thu

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quý đầu tư phát triển | Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 189.802.000.000 | 120.523.149.443 | 18.980.200.000 | 118.351.799.892 | 447.657.149.335 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 66.948.928.851 | 66.948.928.851 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | 6.973.996.984 | - | (12.408.995.476) | (5.434.998.492) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (22.776.240.000) | (22.776.240.000) |
| Số dư cuối năm nay | 189.802.000.000 | 127.497.146.427 | 18.980.200.000 | 150.115.493.267 | 486.394.839.694 |
| Số dư đầu năm nay | 189.802.000.000 | 127.497.146.427 | 18.980.200.000 | 150.115.493.267 | 486.394.839.694 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 31.773.522.390 | 31.773.522.390 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - |
| Chi thường Ban điều hành, HĐQT | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 189.802.000.000 | 127.497.146.427 | 18.980.200.000 | 181.889.015.657 | 518.168.362.084 |

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2017



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc